CÔNG TY CỔ PHẦN AKI GROUP

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN AKI GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AKI GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110318268

3. Ngày thành lập: 11/04/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Đào Thục, Xã Thuỵ Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0925568688* Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá)	*4513*
2.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đấu giá)	*4541*
3.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ đấu giá)	*4543*
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm; Trừ đấu giá)	*4610(Chính)*
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	*4620*
6.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	*4631*
7.	Bán buôn thực phẩm	*4632*
8.	Bán buôn đồ uống (trừ loại nhà nước cấm)	*4633*
9.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	*4641*
10.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm)	*4649*
11.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	*4651*
12.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	*4652*
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	*4653*
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	*4659*

15.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng)	*4662*
16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
17.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	*4669*
18.	Trồng lúa	*0111*
19.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	*0112*
20.	Trồng cây lấy củ có chất bột	*0113*
21.	Trồng cây hàng năm khác	*0119*
22.	Trồng cây ăn quả	*0121*
23.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	*0128*
24.	Trồng cây lâu năm khác	*0129*
25.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	*0150*
26.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	*0161*
27.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	*0162*
28.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	*0163*
29.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ tổ chức họp báo)	*8230*
30.	Dịch vụ đóng gói	*8292*
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	*8299*
32.	Quảng cáo (Trừ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cấm quảng cáo)	*7310*
33.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	*7410*
34.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	*7420*
35.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại nhà nước cấm)	*4690*
36.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*4711*
37.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*4719*
38.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	*4721*
39.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4722*
40.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	*4723*
41.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	*4724*
42.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	*4730*
43.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	*1392*
44.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	*1393*

45.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	*1394*
46.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	*1399*
47.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	*1410*
48.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	*1420*
49.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	*1430*
50.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	*1511*
51.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	*1512*
52.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	*1629*
53.	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa	*1702*
54.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	*1709*
55.	In ấn (trừ các loại hình Nhà nước cấm)	*1811*
56.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	*1812*
57.	Sao chép bản ghi các loại	*1820*
58.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	*2219*
59.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	*2220*
60.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	*2310*
61.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	*2393*
62.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	*2399*
63.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)	*4791*
64.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá)	*4799*
65.	Dịch vụ ăn uống khác	*5629*
66.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ kinh doanh quán bar)	*5630*
67.	Hoạt động hậu kỳ	*5912*
68.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Loại trừ hoạt động phát hànhchương trình truyền hình)	*5913*
69.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	*8219*
70.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	*4741*
71.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	*4742*
72.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	*4751*

73.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4752*
74.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	*4753*
75.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	*4759*
76.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4761*
77.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	*4762*
78.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	*4763*
79.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ loại Nhà nước cấm)	*4764*
80.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	*4771*
81.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	*4772*
82.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	*4773*

6. Vốn điều lệ: 2.660.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 266.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM THỊ NGẦN	Số nhà 22, khu Yên Trung, Phường Yên Thọ, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	13.300	133.000.000	5,000	034189015847	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	13.300	133.000.000	5,000		
2	ĐẶNG THU TRANG	Thôn Đào Thục, Xã Thuỵ Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	133.000	1.330.000.000	50,000	001199034657	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	133.000	1.330.000.000	50,000		

3	PHẠM XUÂN PHÚ	Thôn An Cúc Tây, Xã Thụy Việt, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	119.700	1.197.000.000	45,000	034094007470	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	119.700	1.197.000.000	45,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần *(VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)*	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: ĐẶNG THU TRANG Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *20/12/1999* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001199034657*

Ngày cấp: *10/07/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Đào Thục, Xã Thuỵ Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Đào Thục, Xã Thuỵ Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội